

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2019**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02a – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03a – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09a – DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 5 năm 2019.

#### Hội đồng Quản trị

Bà Tabongkod Peunchob	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10.5.2019)
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10.5.2019)
Ông Nguyễn Đăng Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10.5.2019)
Ông Phạm Kiến Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10.5.2019)
Ông Phạm Điền Trung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10.5.2019) (bổ nhiệm ngày 3.12.2018)
Bà Trần Quế Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10.5.2019)
Bà Lê Thị Xuân Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10.5.2019)
Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.10.2018)
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17.7.2018)

#### Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thục Linh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31.7.2018)
Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31.7.2018)
Ông Đinh Hoàng Triều	Phó Tổng Giám đốc Thường trực (bổ nhiệm ngày 31.7.2018)
Ông Trần Anh Vĩnh Thịnh	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Ông Phạm Điền Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1.7.2019)
Bà Dương Thục Linh	Phó Tổng Giám đốc Thường trực (miễn nhiệm ngày 31.7.2018)
Ông Đinh Hoàng Triều	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31.7.2018)

#### Người đại diện theo pháp luật

Bà Dương Thục Linh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

#### Trụ sở chính

Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 48. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dương Thục Linh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 15 tháng 8 năm 2019

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2019, và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 15 tháng 8 năm 2019. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**



Hồ Ngọc Thăng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2262-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Lê Nam Phong  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3910-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM8587  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2019

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2019 VND	2018 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>449.089.403.457</b>	<b>147.838.704.170</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	331.260.599.055	45.024.511.115
111	Tiền		26.241.952.037	8.024.511.115
112	Các khoản tương đương tiền		305.018.647.018	37.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>117.370.216.609</b>	<b>100.510.221.964</b>
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	1.872.425.704	3.992.063.536
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	71.755.293.927	24.033.171.144
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	43.742.496.978	73.101.938.653
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(616.951.369)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>458.587.793</b>	<b>2.303.971.091</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		113.913.367	255.419.274
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.633.530.758
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		344.674.426	415.021.059
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>642.887.871.827</b>	<b>659.410.643.541</b>
<b>210</b>	<b>Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.599.958.456</b>	<b>4.991.273.744</b>
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	3.599.958.456	4.991.273.744
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>27.930.074.927</b>	<b>27.491.794.932</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	7.760.755.587	8.413.526.377
222	Nguyên giá		9.897.833.764	9.694.320.673
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.137.078.177)	(1.280.794.296)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	20.169.319.340	19.078.268.555
228	Nguyên giá		20.622.028.553	19.236.248.553
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(452.709.213)	(157.979.998)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	8	<b>80.025.193.972</b>	<b>28.002.280.938</b>
231	Nguyên giá		84.884.741.610	31.949.000.000
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.859.547.638)	(3.946.719.062)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>9.839.426.317</b>	<b>87.252.791.311</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	9.839.426.317	87.252.791.311
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>520.809.579.940</b>	<b>510.705.771.497</b>
251	Đầu tư vào công ty con	10(a)	520.137.040.534	511.633.232.091
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10(b)	4.430.000.000	2.830.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10(a)	(3.757.460.594)	(3.757.460.594)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>683.638.215</b>	<b>966.731.119</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		683.638.215	966.731.119
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.091.977.275.284</b>	<b>807.249.347.711</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2019 VND	2018 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>676.797.293.439</b>	<b>427.766.430.678</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>61.646.734.729</b>	<b>89.937.450.686</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	790.907.727	9.900.611.460
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		79.590.283	-
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước		1.797.774.568	82.883.098
314	Phải trả người lao động		-	33.838.368
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	12	4.780.701.548	3.209.996.369
319	Phải trả ngắn hạn khác	13	1.837.429.880	3.735.606.538
320	Vay ngắn hạn	14(a)	51.649.318.178	71.632.238.397
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		711.012.545	1.342.276.456
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>615.150.558.710</b>	<b>337.828.979.992</b>
338	Vay dài hạn	14(b)	317.483.892.043	337.828.979.992
339	Trái phiếu chuyển đổi	15	297.666.666.667	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>415.179.981.845</b>	<b>379.482.917.033</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>415.179.981.845</b>	<b>379.482.917.033</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	350.000.000.000	350.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		350.000.000.000	350.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	65.179.981.845	29.482.917.033
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		28.008.771.181	-
421b	- LNST chưa phân phối của năm này		37.171.210.664	29.482.917.033
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.091.977.275.284</b>	<b>807.249.347.711</b>



Nguyễn Thị Hương  
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu  
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm	
		2019 VND	2018 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.406.493.928	26.913.797.540
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(18.990.000)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.406.493.928	26.894.807.540
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(11.276.558.838)	(15.729.707.488)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.129.935.090	11.165.100.052
21	Doanh thu hoạt động tài chính	110.868.587.114	87.919.319.480
22	Chi phí tài chính	(43.072.975.999)	(35.418.168.157)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(42.102.777.431)	(34.886.109.828)
25	Chi phí bán hàng	(4.397.067.922)	(4.073.695.715)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(32.270.075.647)	(29.554.839.452)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	37.258.402.636	30.037.716.208
31	Thu nhập khác	15.484.500	5.763.667
32	Chi phí khác	(32.329.839)	(560.562.842)
40	Lỗ khác	(16.845.339)	(554.799.175)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.241.557.297	29.482.917.033
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(70.346.633)	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	37.171.210.664	29.482.917.033



Nguyễn Thị Hương  
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu  
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm	
		2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế	37.241.557.297	29.482.917.033
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	3.138.679.065	2.570.112.133
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(110.868.587.114)	(87.918.800.381)
06	Chi phí lãi vay	42.102.777.431	34.886.109.828
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(28.385.573.321)	(20.979.661.387)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	14.186.155.316	(19.610.928.160)
10	Giảm hàng tồn kho	-	531.675.047
11	Giảm các khoản phải trả	(5.535.178.775)	(21.766.320.750)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	424.598.811	(1.142.315.927)
14	Tiền lãi vay đã trả	(44.424.793.326)	(32.488.308.481)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.105.409.763)	(1.442.709.651)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(65.840.201.058)	(96.898.569.309)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ	(17.401.384.682)	(40.681.531.635)
22	Thu từ nhượng bán TSCĐ	31.803.604.332	-
23	Chi cho vay	(198.353.293.927)	(500.663.000.000)
24	Thu hồi cho vay	150.631.171.144	516.853.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.837.697.800)	(142.514.400.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	220.000.000	-
27	Thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	130.639.752.615	54.630.079.609
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	95.702.151.682	(112.375.852.026)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	360.253.924.987	344.636.218.389
34	Chi trả nợ gốc vay	(103.879.787.671)	(87.490.000.000)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	-	(6.750.916.129)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	256.374.137.316	250.395.302.260
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	286.236.087.940	41.120.880.925
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3	45.024.511.115
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	331.260.599.055

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh 27.

Nguyễn Thị Hương  
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu  
Kế toán trưởng

Dương Thục Linh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019s**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ giáo dục chung (từ tiểu học đến trung học phổ thông); giáo dục mầm non; dạy nghề; cao đẳng; các loại hình giáo dục khác như ngoại ngữ, tin học; cho thuê và kinh doanh bất động sản; dịch vụ hỗ trợ giáo dục.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 110 nhân viên (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 98 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 21 công ty con (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 22 công ty con) như trình bày ở Thuyết minh 10(a) - Đầu tư vào công ty con.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Đầu tư**

**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.6 Đầu tư (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ.

**2.7 Cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)**

#### *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

### **2.9 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian thuê hoạt động.

### **2.10 Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

#### **Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê**

##### *Khấu hao*

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 35 năm

##### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

**2.13 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**2.14 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.15 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính.

**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.17 Phân chia lợi nhuận thuần**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

**2.18 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo**

Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ giáo dục và đào tạo đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(b) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(c) Doanh thu cho thuê**

Thu nhập cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**(d) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(e) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí tài chính khác.

**2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm lương nhân viên bộ phận tuyển sinh, chi dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê văn phòng; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức nợ phải trả, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên các báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**3 TIỀN**

	<b>30.6.2019</b> <b>VND</b>	<b>30.6.2018</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	112.383.033	50.791.023
Tiền gửi ngân hàng	26.129.569.004	7.973.720.092
Các khoản tương đương tiền (*)	305.018.647.018	37.000.000.000
	<u>331.260.599.055</u>	<u>45.024.511.115</u>

(\*) Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất từ 4,8% đến 5,5%/năm (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 4,7%/năm).

**4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>30.6.2019</b> <b>VND</b>	<b>30.6.2018</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Phần mềm và Tư vấn Kim Tụ Tháp	1.225.600.000	1.707.520.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam	270.848.490	-
Công ty TNHH Thiết kế Hưng Gia	250.712.000	-
Công ty TNHH MTV Phúc Hưng Xanh	79.515.214	-
Công ty TNHH Kiến Trúc O	-	800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thiết bị Công nghệ Phan Gia	-	569.794.500
Khác	45.750.000	914.749.036
	<u>1.872.425.704</u>	<u>3.992.063.536</u>

**5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<b>30.6.2019</b> <b>VND</b>	<b>30.6.2018</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	-	7.883.171.144
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	71.755.293.927	16.150.000.000
	<u>71.755.293.927</u>	<u>24.033.171.144</u>

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay có kỳ hạn thu hồi còn lại bằng hoặc dưới 12 tháng và hưởng mức lãi suất 11%/năm (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: từ 10,5% đến 11%/năm).

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

**(a) Ngắn hạn**

	30.6.2019		30.6.2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên thứ ba				
Lãi phải thu cho vay	2.271.217.119	-	7.515.381.311	-
Tạm ứng cho nhân viên	331.271.485	-	561.625.800	-
Khác	126.516.478	-	1.918.884.920	(616.951.369)
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	41.013.491.896	-	63.106.046.622	-
	<u>43.742.496.978</u>	<u>-</u>	<u>73.101.938.653</u>	<u>(616.951.369)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 0 đồng và 13.605.123.104 đồng.

**(b) Dài hạn**

	30.6.2019		30.6.2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	3.324.758.456	-	4.716.073.744	-
Khác	275.200.000	-	275.200.000	-
	<u>3.599.958.456</u>	<u>-</u>	<u>4.991.273.744</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	6.929.033.564	1.353.299.109	1.411.988.000	9.694.320.673
Mua trong năm	-	203.513.091	-	203.513.091
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	6.929.033.564	1.556.812.200	1.411.988.000	9.897.833.764
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	509.466.133	206.423.655	564.904.508	1.280.794.296
Khấu hao trong năm	230.967.792	351.218.041	274.098.048	856.283.881
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	740.433.925	557.641.696	839.002.556	2.137.078.177
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	6.419.567.431	1.146.875.454	847.083.492	8.413.526.377
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	6.188.599.639	999.170.504	572.985.444	7.760.755.587

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 6.188.599.639 đồng (tài ngày 30 tháng 6 năm 2018: 6.419.567.431 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh 14).

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	18.095.214.853	1.141.033.700	<b>19.236.248.553</b>
Mua trong năm	-	1.385.780.000	<b>1.385.780.000</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	18.095.214.853	2.526.813.700	<b>20.622.028.553</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	157.979.998	<b>157.979.998</b>
Khấu hao trong năm	-	294.729.215	<b>294.729.215</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	-	452.709.213	<b>452.709.213</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	18.095.214.853	983.053.702	<b>19.078.268.555</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	18.095.214.853	2.074.104.487	<b>20.169.319.340</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định vô hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 18.095.214.853 đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 14).

**8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	31.949.000.000	<b>31.949.000.000</b>
Chuyển qua từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 9)	15.924.095.000	37.011.646.610	<b>52.935.741.610</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	15.924.095.000	68.960.646.610	<b>84.884.741.610</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	3.946.719.062	<b>3.946.719.062</b>
Khấu hao trong năm	-	912.828.576	<b>912.828.576</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	-	4.859.547.638	<b>4.859.547.638</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	28.002.280.938	<b>28.002.280.938</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	15.924.095.000	64.101.098.972	<b>80.025.193.972</b>

**8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, toàn bộ bất động sản đầu tư của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 14).

**9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	<b>30.6.2019</b> <b>VND</b>	<b>30.6.2018</b> <b>VND</b>
Dự án Trường Mầm non tại Sài Gòn	9.839.426.317	416.624.967
Dự án Trường Mầm non Quốc tế tại Bến Tre	-	59.379.742.771
Dự án tại Đồng Nai	-	27.149.452.094
Mở rộng và cải tạo tài sản cố định	-	306.971.479
	<u>9.839.426.317</u>	<u>87.252.791.311</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>30.6.2019</b> <b>VND</b>	<b>30.6.2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	87.252.791.311	50.022.890.079
Xây dựng cơ bản	15.812.091.591	42.948.093.349
Chuyển qua bất động sản đầu tư (Thuyết minh 8)	(52.935.741.610)	-
Góp vốn vào các công ty con (Thuyết minh 28(a))	(8.486.110.643)	(5.718.192.117)
Nhượng bán (*)	(31.496.632.853)	-
Khác	(306.971.479)	-
Số dư cuối năm	<u>9.839.426.317</u>	<u>87.252.791.311</u>

(\*) Trong năm, Công ty đã nhượng bán 5 căn nhà thuộc dự án tại Đồng Nai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

**Mẫu số B 09a – DN**

**10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**(a) Đầu tư vào công ty con**

	30.6.2019				30.6.2018					
	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Khối Mầm non</b>										
Trường Mầm non TTC Sài Gòn (ii)	18.590.000.000	100,00	100,00	(i)	-	18.600.000.000	100,00	100,00	(i)	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 (ii)	11.390.000.000	100,00	100,00	(i)	-	11.400.000.000	100,00	100,00	(i)	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre (iii)	11.286.110.643	100,00	100,00	(i)	-	2.800.000.000	100,00	100,00	(i)	-
Trường Mầm Non ABI Đồng Nai	4.388.311.388	100,00	100,00	(i)	-	4.388.311.388	100,00	100,00	(i)	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	2.000.000.000	100,00	100,00	(i)	-	2.000.000.000	100,00	100,00	(i)	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	1.930.274.857	100,00	100,00	(i)	-	1.930.274.857	100,00	100,00	(i)	-
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	1.139.054.816	100,00	100,00	(i)	-	1.139.054.816	100,00	100,00	(i)	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3 (iv)	-	100,00	100,00	(i)	-	-	-	-	(i)	-
<b>Khối Tiểu học và Trung học</b>										
Trường THPT Lê Quý Đôn	81.715.998.029	100,00	100,00	(i)	-	81.715.998.029	100,00	100,00	(i)	-
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	72.500.000.000	100,00	100,00	(i)	-	72.500.000.000	100,00	100,00	(i)	-
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	35.284.001.971	100,00	100,00	(i)	-	35.284.001.971	100,00	100,00	(i)	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	25.000.000.000	100,00	100,00	(i)	-	25.000.000.000	100,00	100,00	(i)	-
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	16.600.000.000	100,00	100,00	(i)	-	16.600.000.000	100,00	100,00	(i)	-
Trường THPT Lê Quý Đôn Long Bình Tân	5.265.528.171	100,00	100,00	(i)	-	5.265.528.171	100,00	100,00	(i)	-
<b>Khối Đại học và Cao đẳng</b>										
Trường Đại học Yersin Đà Lạt (v)	88.895.038.104	87,87	85,71	(i)	-	88.657.340.304	87,78	77,78	(i)	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	51.290.497.109	60,00	50,00	(i)	-	51.290.497.109	60,00	50,00	(i)	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

	30.6.2019				30.6.2018					
	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết % lý	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết % lý	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Các đơn vị khác</b>										
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	45.000.000.000	100,00	100,00	(i)	-	45.000.000.000	100,00	100,00	(i)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	26.843.561.500	89,83	75,00	(i)	(3.198.547.311)	26.843.561.500	89,83	66,67	(i)	(3.198.547.311)
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	20.000.000.000	100,00	100,00	(i)	-	20.000.000.000	100,00	100,00	(i)	-
Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công	566.000.000	100,00	100,00	(i)	(558.913.283)	566.000.000	100,00	100,00	(i)	(558.913.283)
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	452.663.946	100,00	100,00	(i)	-	452.663.946	100,00	100,00	(i)	-
Công ty TNHH Một thành viên Học viện TTC (vi)	-	-	-	-	-	200.000.000	100,00	100,00	(i)	-
	520.137.040.534				(3.757.460.594)	511.633.232.091				(3.757.460.594)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30.6.2019				30.6.2018					
	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết % lý	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết % lý	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	4.430.000.000	10,00	100,00	(i)	-	2.830.000.000	10,00	100,00	(i)	-

**10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có đầy đủ thông tin cần thiết về giá trị hợp lý.
- (ii) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty số 42/BB-HĐQT ngày 13 tháng 6 năm 2018, giá trị chuyển nhượng 2 trường Mầm non ABI tại Sài Gòn bao gồm Trường Mầm non TTC Sài Gòn 1 và Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2 căn cứ vào hợp đồng số 67/2017/HĐCN-TTC Edu ngày 29 tháng 11 năm 2017 là 30 tỷ đồng, được điều chỉnh thành 29.980.000.000 đồng. Theo đó, giá trị chuyển nhượng đã điều chỉnh này không bao gồm Nhãn hiệu Mầm non ABI theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0260217-000 do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp ngày 22 tháng 3 năm 2016.
- (iii) Theo Tờ trình số TTCEU-02406, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt về việc Công ty đã thực hiện góp vốn vào Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre bằng tài sản trị giá là 8.486.110.643 đồng.
- (iv) Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3 được thành lập theo Quyết định số 09/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 5 năm 2019. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính này, Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3 đang trong quá trình chờ cấp phép hoạt động.
- (v) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty số 54/BB-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2018, Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn phần vốn góp gồm 5.640 cổ phần tại Trường Đại học Yersin Đà Lạt từ một cổ đông cá nhân với tổng giá trị chuyển nhượng là 237.697.800 đồng.
- (vi) Công ty TNHH Một thành viên Học viện TTC được giải thể theo quyết định giải thể Công ty số 01/2018/QĐ-TTCA ngày 17 tháng 5 năm 2018.

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30.6.2019		30.6.2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Stavicon	385.994.627	385.994.627	2.134.112	2.134.112
Công ty TNHH Inox Trung Hào Phát	147.112.900	147.112.900	41.363.520	41.363.520
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	114.515.410	114.515.410	1.979.677.298	1.979.677.298
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Đầu tư An Phúc	-	-	7.802.373.650	7.802.373.650
Khác	143.284.790	143.284.790	75.062.880	75.062.880
	<u>790.907.727</u>	<u>790.907.727</u>	<u>9.900.611.460</u>	<u>9.900.611.460</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30.6.2019</b>	<b>30.6.2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khấu hao	1.791.395.655	716.558.262
Chi phí nhân viên	1.625.890.413	1.206.611.510
Lãi vay phải trả	491.142.745	530.383.456
Chi phí chuyên gia	170.000.000	-
Khác	702.272.735	756.443.141
	<u>4.780.701.548</u>	<u>3.209.996.369</u>

**13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.6.2019</b>	<b>30.6.2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bên thứ ba		
Các loại bảo hiểm	174.803.341	264.460.735
Khác	208.353.300	66.060.000
Các bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	1.454.273.239	3.405.085.803
	<u>1.837.429.880</u>	<u>3.735.606.538</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**14 CÁC KHOẢN VAY**

**(a) Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 30.6.2018 VND	Giải ngân VND	Trả vay VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 30.6.2019 VND
Vay ngân hàng (**)					
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình ("OCB")	2.000.000.000	32.375.144.417	(21.474.606.809)	-	12.900.537.608
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả	14.700.000.000	-	(14.700.000.000)	17.200.000.000	17.200.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	54.932.238.397	30.278.780.570	(63.662.238.397)	-	21.548.780.570
	<u>71.632.238.397</u>	<u>62.653.924.987</u>	<u>(99.836.845.206)</u>	<u>17.200.000.000</u>	<u>51.649.318.178</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**14 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)**

**(b) Vay dài hạn**

	Tại ngày 30.6.2018 VND	Giải ngân/ Phân bổ VND	Trả vay/Chi phí phát hành VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 30.6.2019 VND
Vay ngân hàng (**)					
OCB	106.625.000.000	-	(12.700.000.000)	-	93.925.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây ("VCB")	15.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	13.000.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh 28(b)) Trái phiếu	3.500.000.000	-	(3.500.000.000)	-	-
Trái phiếu đã phát hành (*) Chi phí phát hành trái phiếu	230.100.000.000 (2.696.020.008)	- 897.854.516	- (542.942.465)	-	230.100.000.000 (2.341.107.957)
	<u>352.528.979.992</u>	<u>897.854.516</u>	<u>(18.742.942.465)</u>	<u>-</u>	<u>334.683.892.043</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (**)					
OCB	(12.700.000.000)	-	12.700.000.000	(15.200.000.000)	(15.200.000.000)
VCB	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
	<u>(14.700.000.000)</u>	<u>-</u>	<u>14.700.000.000</u>	<u>(17.200.000.000)</u>	<u>(17.200.000.000)</u>
	<u>337.828.979.992</u>	<u>897.854.516</u>	<u>(4.042.942.465)</u>	<u>(17.200.000.000)</u>	<u>317.483.892.043</u>

**14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

- (\*) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 thể hiện khoản vay bằng 1.500.000 trái phiếu đã phát hành với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5%/năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm và đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, và đảm bảo bằng tài sản của Công ty, bà Đặng Huỳnh Ước My và Trường TH - THCS - THPT Tân Phú.

Ngoài ra, Công ty đã phát hành thêm 801.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5%/năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và đảm bảo bằng tài sản của một cá nhân (ông Huỳnh Đăng Khoa).

Chi tiết số dư trái phiếu cuối năm như sau:

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (TCBS)	160.000.000.000	160.000.000.000
Quý đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF)	44.000.000.000	44.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	25.000.000.000	25.000.000.000
Bà Phan Thị Thanh Thảo	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Chung Thị Mỹ Dung	100.000.000	100.000.000
	<u>230.100.000.000</u>	<u>230.100.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

**Mẫu số B 09a – DN**

**14 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

(\*\*) Chi tiết số dư các khoản vay ngân hàng cuối năm như sau:

Ngân hàng	30.06.2019 VND	30.6.2018 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
OCB	12.900.537.608	-	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2019 đến ngày 26 tháng 3 năm 2020	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 2,2%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh 7 và 8) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường TH - THCS - THPT Tân Phú
OCB	-	2.000.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2018	Lãi suất tiết kiệm 6 tháng của ngân hàng + tối thiểu 2,4%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường THPT Lê Quý Đôn
OCB	68.250.000.000	77.000.000.000	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2015 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh 7 và 8) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường TH - THCS - THPT Tân Phú
OCB	25.675.000.000	29.625.000.000	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 2 tháng 12 năm 2025	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh 7 và 8) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường TH - THCS - THPT Tân Phú
VCB	13.000.000.000	15.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2016 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	Năm 1: 7,2% Năm 2 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + 2,8%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường THPT Lê Quý Đôn
	<u>119.825.537.608</u>	<u>123.625.000.000</u>			
Vay ngắn hạn	<u>(30.100.537.608)</u>	<u>(16.700.000.000)</u>			
Vay dài hạn	<u>89.725.000.000</u>	<u>106.925.000.000</u>			

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có khoản vay nào quá hạn thanh toán.

**15 TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

Biến động về trái phiếu chuyển đổi trong năm như sau:

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng do phát hành (i)	300.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.400.000.000)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	66.666.667	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	<u>297.666.666.667</u>	<u>-</u>

(i) Đây là các khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu chuyển đổi bằng Đồng Việt Nam cho bà Đặng Huỳnh Ước My, cụ thể như sau:

Ngày phát hành	9 tháng 5 năm 2019
Kỳ hạn gốc	36 tháng
Kỳ hạn còn lại	35 tháng
Số lượng trái phiếu phát hành	30.000.000 trái phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng/trái phiếu
Nợ gốc	300.000.000.000 đồng
Lãi suất	0%/năm
Tài sản đảm bảo	Không có

Trong thời hạn chuyển đổi (từ ngày 8 tháng 5 năm 2020 đến ngày 10 tháng 4 năm 2022), bà Đặng Huỳnh Ước My có quyền chuyển đổi toàn bộ trong một lần hoặc nhiều lần với số lượng ít nhất từ 1 triệu trái phiếu một lần, sang cổ phiếu phổ thông của Công ty theo giá chuyển đổi là 32.000 đồng một cổ phiếu.

**16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	30.6.2019		30.6.2018	
	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	<u>35.000.000</u>	<u>350.000.000.000</u>	<u>35.000.000</u>	<u>350.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30.6.2019		30.6.2018	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Lam Champion Investment Limited	33.250.000	95,00	-	-
Bà Đặng Huỳnh Ước My	1.150.000	3,29	30.650.000	87,57
Cổ đông khác	600.000	1,71	600.000	1,71
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	-	3.750.000	10,72
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	35.000.000	100,00	35.000.000	100,00

Trong năm bà Đặng Huỳnh Ước My và Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công đã chuyển giao một phần vốn góp tại Công ty cho Lam Champion Investment Limited.

**17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	350.000.000.000	2.784.986.107	352.784.986.107
Lợi nhuận trong năm	-	29.482.917.033	29.482.917.033
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.784.986.107)	(2.784.986.107)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	350.000.000.000	29.482.917.033	379.482.917.033
Lợi nhuận trong năm	-	37.171.210.664	37.171.210.664
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.474.145.852)	(1.474.145.852)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	350.000.000.000	65.179.981.845	415.179.981.845

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết số 27/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông.

**18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Tài sản đi thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 104.087.926.418 đồng và 25.111.156.200 đồng tương ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Thuyết minh 29).

## 19 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
<b>Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu dịch vụ tư vấn	14.400.000.000	15.729.874.475
Doanh thu cho thuê	1.305.176.325	1.222.680.960
Doanh thu dịch vụ giáo dục	-	9.005.753.843
Doanh thu bán hàng hóa	-	69.910.000
Khác	1.701.317.603	885.578.262
	<u>17.406.493.928</u>	<u>26.913.797.540</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Giảm trừ học phí	-	18.990.000
	<u>-</u>	<u>18.990.000</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về dịch vụ tư vấn	14.400.000.000	15.729.874.475
Doanh thu thuần về cho thuê	1.305.176.325	1.222.680.960
Doanh thu thuần về dịch vụ giáo dục	-	8.986.763.843
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	-	69.910.000
Doanh thu thuần khác	1.701.317.603	885.578.262
	<u>17.406.493.928</u>	<u>26.894.807.540</u>

## 20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	6.687.582.447	7.026.783.145
Chi phí khấu hao	2.068.507.746	2.242.003.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	743.303.636	-
Chi phí thuê	740.597.255	1.676.733.705
Chi phí công cụ, dụng cụ	735.082.499	1.416.715.427
Chi phí thực phẩm	-	1.517.111.635
Chi phí đào tạo	-	293.438.367
Chi phí tiện ích	-	187.999.085
Khác	301.485.255	1.368.922.202
	<u>11.276.558.838</u>	<u>15.729.707.488</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận được chia (Thuyết minh 28(a))	103.383.378.992	76.849.822.160
Lãi cho vay	3.904.625.893	11.048.256.318
Lãi tiền gửi	3.580.582.229	20.721.903
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	519.099
	<u>110.868.587.114</u>	<u>87.919.319.480</u>

**22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền vay	42.102.777.431	34.886.109.828
Chi phí tài chính khác	970.198.568	532.058.329
	<u>43.072.975.999</u>	<u>35.418.168.157</u>

**23 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	3.301.098.249	3.120.307.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	544.911.822	-
Chi phí thuê	438.315.954	743.717.259
Chi phí khác	112.741.897	209.670.829
	<u>4.397.067.922</u>	<u>4.073.695.715</u>

**24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	19.590.882.232	18.133.372.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.786.515.722	1.334.510.789
Chi phí thuê	1.596.601.848	2.288.933.743
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.107.747.834	1.439.768.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.070.171.319	328.108.211
Chi phí đào tạo	-	1.276.531.956
Chi phí thực phẩm	-	112.985.580
Khác	3.118.156.692	4.640.628.427
	<u>32.270.075.647</u>	<u>29.554.839.452</u>

**25 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.241.557.297	29.482.917.033
Thuế tính ở thuế suất 20%	7.448.311.459	5.896.583.407
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(20.676.675.798)	(15.369.964.432)
Chi phí không được khấu trừ	8.797.141.512	6.977.221.966
Dự phòng thiếu của các năm trước	70.346.633	-
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.431.222.827	2.496.159.059
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>70.346.633</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	<u>70.346.633</u>	<u>-</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**25 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**(b) Thuế TNDN hoãn lại**

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm/giai đoạn phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
		VND	VND
Giai đoạn từ ngày 1.1.2016 đến ngày 30.6.2016	Đã quyết toán	6.013.227.290	6.013.227.290
Năm tài chính kết thúc ngày 30.6.2017	Đã quyết toán	27.774.440.952	27.774.440.952
Năm tài chính kết thúc ngày 30.6.2018	Đã quyết toán	12.359.924.633	12.359.924.633
Năm tài chính kết thúc ngày 30.6.2019	Chưa quyết toán	22.156.114.135	22.156.114.135

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có chênh lệch tạm thời đáng kể khác giữa cơ sở kế toán và cơ sở tính thuế do đó không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại.

**26 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	29.579.562.928	28.280.463.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.074.731.180	1.522.509.874
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.138.679.065	2.570.112.133
Chi phí thuê	2.775.515.057	4.709.384.707
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.842.830.333	2.856.483.831
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.630.097.215
Chi phí đào tạo	-	1.569.970.323
Chi phí khác	3.532.383.844	6.219.221.458
	<u>47.943.702.407</u>	<u>49.358.242.655</u>

## 27 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

## (a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Cổ tức phải thu	103.383.378.992	76.849.822.160
Góp vốn đầu tư vào các công ty con bằng tài sản	8.486.110.643	11.965.497.029
Mua phần vốn góp của công ty con đã thanh toán trong năm 2017	-	3.000.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần	1.474.145.852	2.784.986.107

## (b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Vay theo kế ước thông thường	62.653.924.987	118.232.238.397
Phát hành trái phiếu thường	-	226.403.979.992
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	297.600.000.000	-

## (c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Trả tiền gốc vay theo kế ước thông thường	103.879.787.671	87.490.000.000

**28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Lam Champion Investment Limited, một doanh nghiệp được thành lập tại đảo Cayman, chiếm 95% vốn cổ phần của Công ty.

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
<b>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty con		
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	6.000.000.000	4.800.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn	3.000.000.000	6.000.000.000
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	2.400.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	2.100.000.000	2.100.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	1.222.680.960	1.308.883.888
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	1.083.441.738	716.558.262
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	900.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	288.750.000	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	104.000.000	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	101.236.364	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	85.852.629	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	11.839.288	-
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	-	143.671.547
	17.297.800.979	17.669.113.697
	17.297.800.979	17.669.113.697
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty con		
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	16.363.636	148.369.086
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	-	683.297.487
Trường THPT Lê Quý Đôn	-	12.003.550
	16.363.636	843.670.123
	16.363.636	843.670.123

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a – DN

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
<b>iii) Đi vay</b>		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	18.178.780.570	9.000.000.000
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	3.000.000.000	4.950.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	3.000.000.000	6.050.000.000
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	2.000.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	1.300.000.000	1.900.000.000
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	1.000.000.000	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	800.000.000	700.000.000
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	500.000.000	2.000.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	500.000.000	2.450.000.000
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	-	44.990.000.000
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	18.400.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	8.700.000.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	-	5.492.238.397
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	-	600.000.000
	<u>30.278.780.570</u>	<u>106.732.238.397</u>
<b>iv) Hoàn trả tiền vay</b>		
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	35.280.000.000	9.710.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn	12.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	3.582.238.397	1.910.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	3.500.000.000	8.450.000.000
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	3.100.000.000	9.030.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	2.500.000.000	6.050.000.000
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	2.000.000.000	2.950.000.000
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	2.000.000.000	1.500.000.000
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	1.000.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	800.000.000	1.600.000.000
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	700.000.000	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	700.000.000	1.250.000.000
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	-	600.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	220.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	-	70.000.000
	<u>67.162.238.397</u>	<u>52.340.000.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
<b>v) Chi phí lãi vay</b>		
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	2.382.931.506	1.811.907.945
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	834.236.984	1.055.547.360
Trường THPT Lê Quý Đôn	378.465.034	90.802.739
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	312.339.724	114.933.743
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	206.709.590	76.163.906
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	169.460.276	116.428.177
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	127.901.369	167.510.913
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	96.167.124	83.072.603
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	52.016.439	22.572.602
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	28.690.412	4.098.630
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	24.531.509	46.727.607
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	24.109.590	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	7.480.319	237.662.684
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	-	1.627.397
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	268.889
	<u>4.645.039.876</u>	<u>3.829.325.195</u>

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
<b>vi) Cho vay</b>		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	35.578.000.000	11.610.000.000
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	33.405.293.927	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	19.600.000.000	-
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	13.470.000.000	13.250.000.000
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	12.010.000.000	17.910.000.000
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	8.170.000.000	21.560.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	7.200.000.000	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	4.460.000.000	19.300.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	2.960.000.000	3.730.000.000
Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn	1.450.000.000	-
Trường THPT Yersin Đà Lạt	1.000.000.000	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	2.650.000.000
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	950.000.000	333.000.000
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	600.000.000	50.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	500.000.000	300.000.000
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	-	2.570.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	-	600.000.000
	<u>141.353.293.927</u>	<u>93.863.000.000</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
<b>vii) Nhận hoàn trả tiền vay</b>		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	37.078.000.000	13.410.000.000
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	13.710.000.000	17.650.000.000
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	13.270.000.000	13.620.000.000
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	7.870.000.000	19.810.000.000
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	6.360.000.000	24.640.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	3.810.000.000	2.880.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	1.200.000.000	-
Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn	800.000.000	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	600.000.000	50.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	500.000.000	300.000.000
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	400.000.000	2.170.000.000
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	150.000.000	333.000.000
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	4.590.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	-	600.000.000
	<u>85.748.000.000</u>	<u>100.053.000.000</u>
<b>viii) Lãi từ cho vay</b>		
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo Dục 590	1.114.194.520	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	303.843.044	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	270.986.301	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	240.012.165	108.194.332
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	112.392.876	249.950.470
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	76.095.890	186.038.380
Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn	68.064.383	-
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	66.861.919	573.712.116
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	49.379.454	7.405.445
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	31.390.687	191.245.048
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	31.249.040	118.505.664
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	18.624.658	90.411
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	16.635.618	90.956.250
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	3.465.753	2.016.666
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	962.385	14.074.676
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	-	11.209.704
	<u>2.404.158.693</u>	<u>1.553.399.162</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
<b>ix) Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 21)</b>		
Công ty con		
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	40.934.413.934	14.196.678.325
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	20.925.440.842	19.309.273.991
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	12.054.163.333	11.159.895.327
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	11.230.878.884	420.492.274
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	5.730.694.441	2.180.386.271
Trường THPT Lê Quý Đôn	5.623.170.711	26.544.113.179
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	2.682.439.961	654.907.421
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	1.682.882.308	105.723.798
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	1.605.821.606	2.278.351.574
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	346.021.685	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	567.451.289	-
	<u>103.383.378.994</u>	<u>76.849.822.160</u>
<b>x) Nhận chuyển nhượng vốn góp</b>		
Cổ đông	-	30.000.000.000
<b>xi) Góp vốn vào công ty con</b>		
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	8.486.110.643	2.800.000.000
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	-	45.000.000.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	-	20.000.000.000
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	-	25.000.000.000
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	19.884.400.000
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	-	18.600.000.000
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	-	11.400.000.000
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	-	4.388.311.388
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	-	5.265.528.171
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	-	1.930.274.857
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	-	452.663.946
	<u>8.486.110.643</u>	<u>154.721.178.362</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm

	2019 VND	2018 VND
<b>xii) Góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	1.600.000.000	2.830.000.000
<b>xiii) Phát hành trái phiếu chuyển đổi</b>		
Bà Đặng Huỳnh Ước My	300.000.000.000	-
<b>xiv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	6.341.364.598	4.950.723.090

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
<b>i) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty con		
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	33.405.293.927	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	19.600.000.000	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	6.000.000.000	-
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	4.100.000.000	3.900.000.000
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn- Quyết Thắng	3.700.000.000	5.400.000.000
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	2.500.000.000	2.200.000.000
Trường PTTH Yersin Đà Lạt	1.000.000.000	-
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	800.000.000	-
Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn	650.000.000	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	-	1.900.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn	-	1.500.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	850.000.000
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	-	400.000.000
	<u>71.755.293.927</u>	<u>16.150.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG**

Mẫu số B 09a – DN

**28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
<b>ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))</b>		
<b>Phải thu cổ tức</b>		
Công ty con		
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	10.322.783.166	11.921.389.286
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	6.937.714.773	6.709.133.331
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	4.617.266.172	7.245.161.927
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	1.849.234.851	462.562.630
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	1.682.882.308	105.723.798
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	1.681.988.447	248.266.126
Trường THPT Lê Quý Đôn Long Bình Tân	369.053.383	420.492.274
Trường THPT Lê Quý Đôn	356.151.466	8.674.113.179
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	346.021.685	-
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	344.451.289	-
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	-	924.074.183
	<u>28.507.547.540</u>	<u>36.710.916.734</u>
<b>Phải thu lãi cho vay</b>		
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	842.509.588	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	259.436.904	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	97.432.877	-
Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn	68.064.383	-
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	22.000.000	29.715.068
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	15.867.124	-
Trường PTTH Yersin Đà Lạt	6.780.822	-
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn- Quyết Thắng	5.575.342	26.113.698
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	4.821.918	52.336.979
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	3.767.123	39.720.547
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	13.627.398
Trường THPT Lê Quý Đôn	-	1.356.164
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	-	1.086.932
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	-	723.288
	<u>1.326.256.081</u>	<u>164.680.074</u>

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
<b>ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a)) (tiếp theo)</b>		
<b>Khoản chi hộ</b>		
Công ty con		
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	104.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	33.797.464	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	23.013.008	26.863.008
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	21.327.000	21.327.000
	<u>182.137.472</u>	<u>48.190.008</u>
<b>Tạm ứng cho Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tạm ứng cho Ban Tổng Giám đốc	34.719.715	14.042.975.622
	<u>34.719.715</u>	<u>14.042.975.622</u>
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	3.300.000.000	660.000.000
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	2.640.000.000	2.860.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	1.980.000.000	874.969.262
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	1.650.000.000	2.640.000.000
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	990.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	288.750.000	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	112.079.088	-
Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn	2.002.000	-
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	-	2.100.000.000
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	-	1.160.459.693
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	-	939.509.176
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	-	468.713.080
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	336.237.264
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư duy Toàn cầu TTC	-	99.395.709
	<u>10.962.831.088</u>	<u>12.139.284.184</u>
	<u>41.013.491.896</u>	<u>63.106.046.622</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
<b>v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 13)</b>		
<b>Chi phí lãi vay phải trả</b>		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	185.374.294	81.219.178
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	57.772.603	51.986.302
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	56.687.671	202.755.617
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	35.824.658	91.231.079
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	22.271.233	76.163.906
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	21.939.727	22.572.602
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	9.041.096	68.350.685
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	2.742.467	21.276.713
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	2.441.096	-
Cong ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	-	1.811.907.945
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	-	237.662.684
Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	-	601.564
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	97.342.465
	<u>394.094.845</u>	<u>2.763.070.740</u>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Công ty con		
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	1.060.178.394	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	495.767.740
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	-	146.247.323
	<u>1.060.178.394</u>	<u>642.015.063</u>
	<u>1.454.273.239</u>	<u>3.405.085.803</u>



**29 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

(b) Công ty nhận được mức tối thiểu cho các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Dưới 1 năm	1.979.066.288	934.680.960
Từ 1 đến 5 năm	4.752.000.000	77.890.080
Trên 5 năm	50.490.000.000	
<b>Tổng cộng các khoản thu nhập tối thiểu</b>	<b>57.221.066.288</b>	<b>1.012.571.040</b>

**30 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính riêng năm nay.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 15 tháng 8 năm 2019.



Nguyễn Thị Hương  
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu  
Kế toán trưởng




Dương Thục Linh  
Tổng Giám đốc